

Số: 17 /TPCN

TP.HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN.
Trụ sở chính: 66-68 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP HCM.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn xác nhận việc đăng ký công bố thông tin và báo cáo trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Võ Thành Đông Phương

Chức danh : Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật Công ty.

Địa chỉ : 66-68 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

CMND số : 023.076.469 cấp ngày 24/11/2011 tại CA TPHCM.

2. Nội dung công bố thông tin:

- Công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán viên chấp nhận toàn phần.

3. Hộp thư điện tử (e-mail) đăng ký dùng gửi thông tin công bố trên cổng thông tin điện tử UBCKNN: Email: infofoodcoifc@gmail.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã đăng ký.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn.

Trân trọng./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH



Võ Thành Đông Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM
CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 30



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Số 66 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị xin được trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301017568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, và các lần đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất là lần thứ mười sáu vào ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCoM ngày 22 tháng 03 năm 2016 và thay đổi ngày 15 tháng 11 năm 2018 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: IFC
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 9.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 90.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : Số 66 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 3826 4239

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm.
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán đồ uống, rượu, bia (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống)
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu.
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước và sản phẩm từ sợi thuốc lá.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà ở. Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại).
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán giấy, vở, bia các tông, văn phòng phẩm. Mua bán xà phòng, dầu gội đầu, chất tẩy rửa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Bán buôn chuyên doanh khác. Chi tiết: Mua bán sản phẩm nhựa, hàng điện máy, điện gia dụng.
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất giấy nhẵn và bao bì, tập vở, giấy văn phòng phẩm (phong bì, giấy thấm, giấy viết, giấy in ở văn phòng, giấy tập).
- In ấn. Chi tiết: In bì tập học sinh, nhãn hàng, bao bì, giấy tờ quản lý (không in tại trụ sở).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Ủy thác mua bán hàng hóa.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ kho vận.
- Điều hành tour du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế.
- Dịch vụ đóng gói. Chi tiết: Hoạt động đóng gói.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Số 66 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).
- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).
- Giáo dục mầm non.
- Giáo dục tiểu học.
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở).
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).
- Giáo dục thể thao và giải trí. Chi tiết: Dạy các môn thể thao; Dạy thể thao, cắm trại; Hướng dẫn cổ vũ; Dạy thể dục; Dạy cưỡi ngựa; Dạy bơi; Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng viên thể thao chuyên nghiệp; Dạy võ thuật; Dạy chơi bài; Dạy yoga.
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật. Chi tiết: Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; Dạy hội họa; Dạy nhảy; Dạy kịch; Dạy mỹ thuật; Dạy nghệ thuật biểu diễn; Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại).
- Giáo dục khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng, Các dịch vụ dạy kèm (gia sư), giáo dục dự bị, Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém, Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn, Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại, Dạy đọc nhanh, dạy về tôn giáo, các trường của tổ chức Đảng đoàn thể, ...
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm 2019 là buôn bán thực phẩm và cho thuê tài sản trên đất.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Thành Đông Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Xuân Thương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đỗ Kim	Thành viên
Bà Đinh Kim Thy	Thành viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hữu Phước	Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Thành Đông Phương, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Số 66 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



VÕ THÀNH ĐÔNG PHƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

58
T
N
C
N
10
10
H
N
M
H



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 317/2020/BCKT-HCM.00757



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THANH MINH
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

A blue ink signature of Phạm Thị Ngọc Liên, written in a cursive style.

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2018-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Số 66 - 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.037.325.960	84.256.960.462
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.574.246.080	21.767.804.567
Tiền	111		1.874.246.080	1.267.804.567
Các khoản tương đương tiền	112		11.700.000.000	20.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	200.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	200.000.000	200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.153.042.313	52.612.312.499
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.778.400	5.061.150.202
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.279.464.979	3.286.464.979
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	24.000.000.000	24.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	48.650.090.068	52.724.097.520
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(23.778.291.134)	(32.459.400.202)
Hàng tồn kho	140		11.939.613	141.154.886
Hàng tồn kho	141	5.8	11.939.613	141.154.886
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.098.097.954	9.535.688.510
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.786.413	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.13.1	3.075.161.266	3.530.041.342
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13.2	3.020.150.275	6.005.647.168
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.733.221.408	39.663.535.194
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		-	30.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		18.623.968.614	17.943.575.688
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	18.623.968.614	17.909.332.488
Nguyên giá	222		36.477.885.159	34.269.215.006
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.853.916.545)	(16.359.882.518)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	34.243.200
Nguyên giá	228		256.824.000	256.824.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(256.824.000)	(222.580.800)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		21.109.252.794	21.689.959.506
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	21.109.252.794	21.689.959.506
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		111.770.547.368	123.920.495.656



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Số 66 - 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.536.111.565	30.405.755.300
Nợ ngắn hạn	310		16.644.281.565	28.700.261.300
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	14.000.000.000	28.158.950.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13.2	1.513.736.265	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	1.130.545.300	541.311.300
Nợ dài hạn	330		891.830.000	1.705.494.000
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	891.830.000	1.705.494.000
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.234.435.803	93.514.740.356
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	94.234.435.803	93.514.740.356
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		17.545.286.245	17.545.286.245
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.310.850.442)	(14.030.545.889)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(14.030.545.889)	(18.211.398.195)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		719.695.447	4.180.852.306
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		111.770.547.368	123.920.495.656

M. Phuong

HÀ THỊ MAI PHƯƠNG
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



VÕ THÀNH ĐÔNG PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Số 66 - 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11.287.302.886	12.393.002.498
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	11.287.302.886	12.393.002.498
Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.815.101.362	5.717.440.058
Lợi nhuận gộp	20		1.472.201.524	6.675.562.440
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.950.495.945	683.109.680
Chi phí tài chính	22		-	1.411.712.722
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	1.411.712.722
Chi phí bán hàng	24	6.4	1.248.300.028	276.304.900
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	1.826.082.936	1.088.341.538
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		348.314.505	4.582.312.960
Thu nhập khác	31	6.6	531.101.470	5.818.271.795
Chi phí khác	32	6.7	159.720.528	5.485.351.701
Lợi nhuận khác	40		371.380.942	332.920.094
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		719.695.447	4.915.233.054
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13.2	-	734.380.748
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		719.695.447	4.180.852.306

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

70

6.8

80

1.053

HÀ THỊ MAI PHƯƠNG

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



VÕ THANH ĐÔNG PHƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

010
CÔNG
CỔ P
PHẨM
SÀI G
T.P

004
CỔ
CH NH
KIẾN
FC V
- T

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	719.695.447	4.915.233.054
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.953.543.256	1.714.453.605
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(3.619.958.866)	(6.000.000.000)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.023.223.218)	(268.105.528)
Chi phí lãi vay	06	-	1.411.712.722
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(2.969.943.381)	1.773.293.853
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	7.939.608.021	122.722.806.053
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	129.215.273	332.874.370
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(12.869.643.735)	(110.260.759.943)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	577.920.299	(3.341.657.419)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(1.561.028.722)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.192.843.523)	9.665.528.192
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.633.936.182)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	72.727.273	50.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(24.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.560.493.945	491.438.340
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.000.714.964)	(23.458.561.660)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	60.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(31.325.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	28.675.000.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(8.193.558.487)	14.881.966.532
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	21.767.804.567	6.885.838.035
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	13.574.246.080	21.767.804.567

M. Phuong

HÀ THỊ MAI PHƯƠNG
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



VŨ THÀNH ĐÔNG PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Công Nghệ Sài Gòn (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301017568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCoM ngày 22 tháng 03 năm 2016 và thay đổi ngày 15 tháng 11 năm 2018 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: IFC
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 9.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 90.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm.
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán đồ uống, rượu, bia (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống)
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu.
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước và sản phẩm từ sợi thuốc lá.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà ở. Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại).
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán giấy, vở, bia các tông, văn phòng phẩm. Mua bán xà phòng, dầu gội đầu, chất tẩy rửa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Bán buôn chuyên doanh khác. Chi tiết: Mua bán sản phẩm nhựa, hàng điện máy, điện gia dụng.
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất giấy nhãn và bao bì, tập vở, giấy văn phòng phẩm (phong bì, giấy thấm, giấy viết, giấy in ở văn phòng, giấy tập).
- In ấn. Chi tiết: In bì tập học sinh, nhãn hàng, bao bì, giấy tờ quản lý (không in tại trụ sở).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Ủy thác mua bán hàng hóa.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ kho vận.
- Điều hành tour du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế.
- Dịch vụ đóng gói. Chi tiết: Hoạt động đóng gói.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).
- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).
- Giáo dục mầm non.
- Giáo dục tiểu học.
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở).
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).
- Giáo dục thể thao và giải trí. Chi tiết: Dạy các môn thể thao; Dạy thể thao, cắm trại; Hướng dẫn cổ vũ; Dạy thể dục; Dạy cưỡi ngựa; Dạy bơi; Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng viên thể thao chuyên nghiệp; Dạy võ thuật; Dạy chơi bài; Dạy yoga.
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật. Chi tiết: Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; Dạy hội họa; Dạy nhảy; Dạy kịch; Dạy mỹ thuật; Dạy nghệ thuật biểu diễn; Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại).
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng, Các dịch vụ dạy kèm (gia sư), giáo dục dự bị, Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém, Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn, Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại, Dạy đọc nhanh, dạy về tôn giáo, các trường của tổ chức Đảng đoàn thể,
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm 2019 là buôn bán thực phẩm và cho thuê tài sản trên đất.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Thực phẩm Công nghệ Bình Tây	Số 468 Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Thực phẩm Công nghệ Bình Đông	Số 1510 Võ Văn Kiệt, Phường 3, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Thực phẩm Công nghệ Miền Đông	Số 191 Bùi Thị Xuân, Phường 1, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCoM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCoM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi thanh lý một khoản đầu tư thì phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần với giá trị ghi sổ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là tiền thuê nhà, đất trả trước. Tiền thuê nhà, đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê nhà, đất đã trả cho phần nhà, đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê nhà, đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

AN:07
C
THỰC
S
MI

044
CÔN
NH
EM
VII
TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	04 - 06 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp để tạo ra phần mềm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí với thời gian là 5 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ, tài sản đã nhận được từ người bán và giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

7566
CÔNG TY
AN
CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN

C. T. P.
HẠN
N
M
HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.14 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.15 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng

Quan hệ

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Thành viên chủ chốt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	622.719.656	536.040.819
Tiền gửi ngân hàng – VND	1.251.526.424	731.763.748
Các khoản tương đương tiền – VND	11.700.000.000	20.500.000.000
	13.574.246.080	21.767.804.567

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất tiền gửi từ 4,3% đến 5,2%/năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có chứng khoán kinh doanh. Thông tin về các khoản chứng khoán kinh doanh của Công ty như sau:

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm (*)	200.000.000	-	-	200.000.000	-	-
	200.000.000	-	-	200.000.000	-	-

(*) Công ty sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm với số lượng 20.000 cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Tân Tân	-	4.639.892.001
Các khách hàng khác	1.778.400	421.258.201
	1.778.400	5.061.150.202

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Đầu tư TM Bình Nam Bắc	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Kỹ thuật Hoàn Thiện	1.224.864.979	1.224.864.979
Các nhà cung cấp khác	54.600.000	61.600.000
	3.279.464.979	3.286.464.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Cát (*)	24.000.000.000	24.000.000.000
	24.000.000.000	24.000.000.000

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Cát vay theo phụ lục số 51-2019/PL01/02/2018/HDTD ngày 06 tháng 11 năm 2019, thời hạn vay đến ngày 09 tháng 05 năm 2020, với lãi suất cho vay là 5,5%/năm.

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Bà Hứa Châu	29.433.871.276	(14.716.935.638)	34.331.215.528	(27.398.250.000)
Bà Trần Thị Bích Tuyền	18.122.710.992	(9.061.355.496)	18.122.710.992	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Cát – lãi cho vay	581.673.000	-	191.671.000	-
Tạm ứng	-	-	20.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	121.834.800	-	-	-
Các khoản phải thu khác	390.000.000	-	58.500.000	-
	48.650.090.068	(23.778.291.134)	52.724.097.520	(27.398.250.000)

5.7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019			01/01/2019		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Các tổ chức khác</i>						
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>						
Công ty Cổ phần Tân Tân	-	-	-	Trên 3 năm	4.639.892.001	4.639.892.001
Các khách hàng khác	-	-	-	Trên 3 năm	421.258.201	421.258.201
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>						
Bà Trần Thị Bích Tuyền	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	18.122.710.992	9.061.355.496		-	-
Bà Hứa Châu	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	29.433.871.276	14.716.935.638		34.331.215.528	27.398.250.000
		47.556.582.268	23.778.291.134		39.392.365.730	32.459.400.202

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, khó đòi như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu năm	(32.459.400.202)	(39.834.686.047)
Trích lập dự phòng trong năm	(23.778.291.134)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	27.398.250.000	6.000.000.000
Xóa nợ	5.061.150.202	1.375.285.845
Số dư cuối năm	(23.778.291.134)	(32.459.400.202)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	11.939.613	-	141.154.886	-
	11.939.613	-	141.154.886	-

5.9 Tình hình tăng / (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2019	32.515.689.618	807.000.000	425.266.029	216.852.359	304.407.000	34.269.215.006
Mua trong năm	-	-	2.576.578.182	-	57.358.000	2.633.936.182
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(425.266.029)	-	-	(425.266.029)
Vào ngày 31/12/2019	32.515.689.618	807.000.000	2.576.578.182	216.852.359	361.765.000	36.477.885.159
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2019	14.606.357.130	807.000.000	425.266.029	216.852.359	304.407.000	16.359.882.518
Khấu hao trong năm	1.523.266.254	-	393.643.888	-	2.389.914	1.919.300.056
Thanh lý TSCĐ	-	-	(425.266.029)	-	-	(425.266.029)
Vào ngày 31/12/2019	16.129.623.384	807.000.000	393.643.888	216.852.359	306.796.914	17.853.916.545
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2019	17.909.332.488	-	-	-	-	17.909.332.488
Vào ngày 31/12/2019	16.386.066.234	-	2.182.934.294	-	54.968.086	18.623.968.614

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2019	156.082.595	807.000.000	425.266.029	216.852.359	304.407.000	1.909.607.983
Vào ngày 31/12/2019	429.524.595	807.000.000	-	216.852.359	304.407.000	1.757.783.954



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Tình hình tăng / (giảm) tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2019	256.824.000
Vào ngày 31/12/2019	<u>256.824.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2019	222.580.800
Khấu hao trong năm	34.243.200
Vào ngày 31/12/2019	<u>256.824.000</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2019	34.243.200
Vào ngày 31/12/2019	<u>-</u>

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền thuê đất tại 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai (*)	17.382.599.138	17.865.450.614
Tiền thuê đất 1260 Võ Văn Kiệt (**)	3.726.653.656	3.824.508.892
	<u>21.109.252.794</u>	<u>21.689.959.506</u>

(*) Là khoản tiền thuê đất trả trước với diện tích đất Công ty đang sử dụng tại số 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thuê từ ngày 14/04/2017 đến ngày 29/12/2055.

(**) Là khoản thuê đất trả trước với diện tích đất Công ty đang sử dụng tại số 1260 Võ Văn Kiệt, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thuê từ ngày 24/10/2018 đến ngày 12/02/2058.

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đại Cát	14.000.000.000	28.000.000.000
Các khách hàng khác	-	158.950.000
	<u>14.000.000.000</u>	<u>28.158.950.000</u>

5.13 Thuế

5.13.1 Thuế GTGT được khấu trừ

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	<u>3.075.161.266</u>	<u>3.530.041.342</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13.2 Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Số phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Thuế được hoàn VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.816.601.159)	-	-	-	-	(2.816.601.159)
Thuế thu nhập cá nhân	(261.406.530)	57.857.414	-	-	-	(203.549.116)
Tiền thuế đất	(2.927.639.479)	5.229.933.972	(2.433.513.627)	1.644.955.399	1.513.736.265	-
Các loại thuế khác	-	253.578.182	(253.578.182)	-	-	-
Cộng	(6.005.647.168)	5.542.169.968	(2.687.892.209)	1.644.955.399	1.513.736.265	(3.020.150.275)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	719.695.447	4.915.233.054
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động kinh doanh	54.666.664	62.666.664
- Chi phí không hóa đơn chứng từ	19.291.000	9.197.985
- Chi phí phạt hành chính	800.000	5.070.345.469
- Khấu hao không được trừ	149.199.446	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Hoàn nhập dự phòng	(27.398.250.000)	(6.000.000.000)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.454.597.443)	4.057.443.172
Trong đó,		
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	(26.454.597.443)	4.057.443.172
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(83.376.614)	(189.099.956)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(196.439.474)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(26.537.974.057)	3.671.903.742
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	734.380.748

568
TY
AN
NG NG
ON
C

3004
CỔ
TRÁCH N
KIỂM
AFC I
1-1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.037.754.800	448.520.800
Phải trả cổ tức	92.790.500	92.790.500
	1.130.545.300	541.311.300

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	891.830.000	1.705.494.000

5.15 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<i>Năm trước</i>				
Tại ngày 01/01/2018	30.000.000.000	17.545.286.245	(18.211.398.195)	29.333.888.050
Tăng vốn trong năm	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	4.180.852.306	4.180.852.306
Tại ngày 31/12/2018	90.000.000.000	17.545.286.245	(14.030.545.889)	93.514.740.356
<i>Năm nay</i>				
Tại ngày 01/01/2019	90.000.000.000	17.545.286.245	(14.030.545.889)	93.514.740.356
Lãi trong năm	-	-	719.695.447	719.695.447
Tại ngày 31/12/2019	90.000.000.000	17.545.286.245	(13.310.850.442)	94.234.435.803

5.15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Hữu Phước	26.014.000.000	28,90%	26.014.000.000	28,90%
Ông Nguyễn Hồng Sơn	21.925.000.000	24,36%	21.925.000.000	24,36%
Ông Trần Hoài Dân	21.601.000.000	24,00%	21.601.000.000	24,00%
Công ty Cổ phần Minh Hưng Phú	5.575.330.000	6,19%	5.575.330.000	6,19%
Ông Võ Thành Đông Phương	5.142.000.000	5,71%	5.142.000.000	5,71%
Các cổ đông khác	9.742.670.000	10,84%	9.742.670.000	10,84%
	90.000.000.000	100,00%	90.000.000.000	100,00%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16.3 Tình hình sử dụng phần vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty

Căn cứ tình hình thực tế và báo cáo tình hình sử dụng vốn năm 2019 số 44/NQ-HĐQT đã được Hội đồng quản trị thông qua ngày 12 tháng 03 năm 2019, số tiền phát hành từ đợt phát hành cổ phiếu đã được sử dụng như sau:

	Số dự kiến sử dụng VND	Thực tế sử dụng VND
Trả nợ vay và nộp nghĩa vụ ngân sách nhà nước	35.800.658.705	36.393.396.871
+ Nợ vay	31.325.000.000	31.325.000.000
+ Lãi vay (*)	968.290.556	1.561.028.722
+ Nộp ngân sách Nhà nước	3.507.368.149	3.507.368.149
Bổ sung nguồn vốn lưu động	24.199.341.295	23.606.603.129
	60.000.000.000	60.000.000.000

(*) Số tiền lãi vay dự kiến và thực tế sử dụng bị chênh lệch do: Thời gian tính ngày trả lãi vay khác nhau. Lãi vay dự kiến được tính từ ngày 29/11/2017 đến ngày 30/06/2018 theo Nghị quyết Số 35/NQ-HĐQT ngày 31/07/2018. Theo thực tế, đến ngày 08/11/2018, Công ty mới nhận được Công văn số 7466/UBCK-QLCB ngày 06/11/2018, số tiền lãi vay thực tế được tính từ ngày 29/11/2017 đến 08/11/2018

5.16.4 Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa	470.920.124	499.474.185
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.816.382.762	11.893.528.313
	11.287.302.886	12.393.002.498

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa	460.728.272	491.661.221
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.354.373.090	5.225.778.837
	9.815.101.362	5.717.440.058

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	547.117.331	494.009.384
Lãi cho vay	1.320.002.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.376.614	189.099.956
Doanh thu tài chính khác	-	340
	1.950.495.945	683.109.680

6.4 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	995.496.549	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	126.941.949
Chi phí điện, nước	252.199.946	13.830.960
Chi phí bán hàng khác	603.533	135.531.991
	1.248.300.028	276.304.900

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.142.480.846	3.356.014.263
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.750.202	152.897.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	484.912.222	106.000.020
Thuế, phí, lệ phí	12.585.000	10.938.364
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(3.619.958.866)	(6.000.000.000)
Chi phí thuê xe, thuê văn phòng	1.696.943.292	1.332.900.492
Chi phí điện, nước	471.521.574	924.294.418
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	585.848.666	1.205.296.595
	1.826.082.936	1.088.341.538

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	72.727.273	-
Giảm công nợ phải trả	-	2.036.512.800
Tiền thuê đất được miễn giảm	-	3.739.842.230
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng bà Lê Nam Dung	456.000.000	-
Thu nhập khác	2.374.197	41.916.765
	531.101.470	5.818.271.795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.7 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lỗ từ nhượng bán thanh lý tài sản cố định	-	415.003.812
Chi phí phạt vi phạm hành chính	800.000	5.070.345.469
Chi phí khác	158.920.528	2.420
	159.720.528	5.485.351.701

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	719.695.447	4.180.852.306
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	9.000.000	3.969.863
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	80	1.053

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.000.000	3.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	3.969.863

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

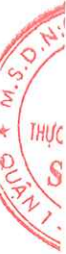
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá mua hàng hóa	460.728.272	491.661.221
Chi phí nguyên liệu, vật liệu bao bì	51.750.202	152.897.386
Chi phí nhân công	3.137.977.395	3.356.014.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.953.543.256	1.714.453.605
Hoàn nhập dự phòng	(3.619.958.866)	(6.000.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.493.392.088	3.530.852.654
Chi phí bằng tiền khác	6.412.051.979	3.836.207.367
	12.889.484.326	7.082.086.496

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình như tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

33011
CÔNG
CỔ PHẦN
THỰC PHẨM
CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN
TP. HCM

14481
CÔNG
CỔ PHẦN
THỰC PHẨM
CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN
TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VND Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.130.545.300	891.830.000	2.022.375.300
	1.130.545.300	891.830.000	2.022.375.300
Ngày 01 tháng 01 năm 2019			
Các khoản phải trả, phải nộp khác	541.311.300	1.705.494.000	2.246.805.300
	541.311.300	1.705.494.000	2.246.805.300

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2018 là tiền ký quỹ ký cược ngắn và dài hạn lần lượt là 1.929.584.800 VND và 2.154.014.800 VND

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
Phải thu về cho vay ngắn hạn	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	
Các khoản phải thu					
Phải thu khách hàng	1.778.400	5.061.150.202	1.778.400	-	
Các khoản phải thu khác	48.650.090.068	52.704.097.520	24.871.798.934	25.325.847.520	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
Chứng khoán kinh doanh	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000	
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.574.246.080	21.767.804.567	13.574.246.080	21.767.804.567	
Tổng cộng	86.426.114.548	103.733.052.289	62.647.823.414	71.293.652.087	
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ					
Phải trả khác	2.022.375.300	2.246.805.300	2.022.375.300	2.246.805.300	
Tổng cộng	2.022.375.300	2.246.805.300	2.022.375.300	2.246.805.300	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

17568
C TY
H AN
ONG NGH
ON
5 CHI

295
TY
H AN
HAI BA
TRUNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Các công cụ phái sinh

Giá trị hợp lý của các hợp đồng giao dịch kỳ hạn được căn cứ trên giá niêm yết trên thị trường, nếu có. Nếu không có giá niêm yết trên thị trường, giá trị hợp lý được tính bằng cách chiết khấu giá trị chênh lệch giữa giá kỳ hạn theo hợp đồng và giá kỳ hạn hiện hành đối với thời gian đáo hạn còn lại của hợp đồng theo lãi suất không chứa đựng rủi ro được điều chỉnh cho rủi ro tín dụng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Giá trị hợp lý của các hợp đồng hoán đổi lãi suất được căn cứ trên giá người môi giới. Các mức giá này được kiểm tra tính hợp lý bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến trong tương lai theo các điều khoản và thời gian đáo hạn của từng hợp đồng và sử dụng lãi suất thị trường áp dụng cho công cụ tương tự tại ngày xác định giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý phản ánh rủi ro tín dụng của công cụ và bao gồm các điều chỉnh để tính đến rủi ro tín dụng của Công ty và đối tác khi phù hợp. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc và ban kiểm soát của Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao và tiền lương	528.000.000	528.000.000
	528.000.000	528.000.000

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là thương mại hàng hóa tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Mphuk

HÀ THỊ MAI PHƯƠNG
Người lập/ Kế toán trưởng



Võ Thành Đông Phương
VÕ THÀNH ĐÔNG PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020.

